UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28 /2022/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 15 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 335/TTr-STNMT ngày 27 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

"1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai) và có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP khi Nhà nước thu hồi từ 30% trở lên đối với diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai) thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:

a) Thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 36 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

c) Mức hỗ trợ cho 01 nhân khẩu có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương tại thời điểm thu hồi đất (có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã) được tính bằng tiền tương đương với 30 kg gạo tẻ (loại trung bình)/tháng theo báo cáo giá thị trường hàng tháng của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

d) Tiền hỗ trợ ổn định đời sống được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

"4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất trong thời gian 06 tháng. Việc trợ cấp được thực hiện 01 lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 như sau:

"1. Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai), được hỗ trợ ổn định sản xuất trong thời gian 01năm, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng cho sản xuất nông nghiệp, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp.

Mức hỗ trợ cụ thể được tính theo định mức kinh tế - kỹ thuật do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công Thương thông báo tại thời điểm có quyết định thu hồi đất".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

"2. Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ bằng tiền. Căn cứ vào thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh để xác định mức hỗ trợ. Mức hỗ trợ tính theo thu nhập sau thuế của 01 (một) năm, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó. Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp thời gian kinh doanh chưa đủ 03 năm thì tính theo mức thu nhập bình quân của thời gian đã kinh doanh và phải được cơ quan Thuế sở tại xác nhận. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh dưới 03 tháng mức hỗ trợ là 10%.

b) Thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh từ 03 tháng đến dưới 06 tháng mức hỗ trợ là 20%.

c) Thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh từ 06 tháng trở lên mức hỗ trợ là 30%."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"**Điều 13: Quy định hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sau:**

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền, thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm như sau:

a) Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh đối với các loại đất:

- Toàn bộ đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản;

- Đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất ở, trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn.

b) Hỗ trợ bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh đối với đất trồng cây lâu năm (không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này) và đất trồng rừng sản xuất.

c) Diện tích đất được hỗ trợ tại các điểm a, điểm b Khoản này là toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai.

d) Ranh giới của khu dân cư được xác định theo quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng khu dân cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp khu dân cư chưa có quy hoạch được duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của thôn, bản, các điểm dân cư tương tự hiện có.

Ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của thôn, bản, các điểm dân cư là đường nối liền các thửa đất trên thực tế có nhà ở và các công trình phục vụ đời sống.

1a. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ, e

khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP), trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp. Khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh. Diện tích hỗ trợ là toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai.

2. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ (có Giấy phép đăng ký kinh doanh và là hộ kinh doanh đang quản lý thuế theo quy định của pháp luật trước thời điểm thông báo thu hồi đất) mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo mức quy định tại Khoản 4 Điều 11 Quy định này."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

"1. Hộ gia đình có đối tượng chính sách xã hội theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở mới do bị thu hồi đất được hỗ trợ 2.000.000 đồng/01 hộ."

7. Bổ sung khoản 5a Điều 17 như sau:

"5a. Khi Nhà nước thu hồi đất hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian xây dựng chỗ ở mới. Mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/hộ/tháng trong thời gian 06 tháng (trừ trường hợp quy định tại Điều 15 của Quy định này)".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 17 như sau:

"6. Ngoài việc hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 5a Điều này, căn cứ vào tình hình thực tế của từng công trình, dự án, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác đối với từng trường hợp cụ thể để đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi".

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2022.

2. Đối với những dự án, công trình, hạng mục đã có quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm triển khai, thực hiện Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế-Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải dữ liệu pháp luật);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng THCB-KSTTHC, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.(Qkt).